

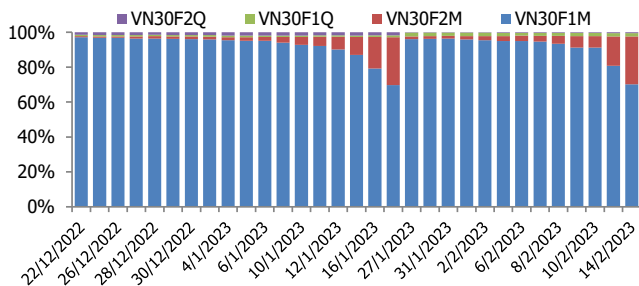
**BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY**



**THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI**

| MÃ        | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI     |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2302 | 16/2/2023    | 2       | 1030.90  | 35,522 |
| VN30F2303 | 16/3/2023    | 30      | 1025.20  | 13,830 |
| VN30F2306 | 15/6/2023    | 121     | 1021.30  | 966    |
| VN30F2309 | 21/9/2023    | 219     | 1018.00  | 264    |

**TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN**



**BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG TTCK THẾ GIỚI**

| Chỉ số     | Điểm số   | % Chg  | P/E   | YTD    |
|------------|-----------|--------|-------|--------|
| VNIndex    | 1,038.64  | (0.48) | 13.51 | 3.13   |
| Dow Jones  | 34,089.27 | (0.46) | 20.11 | 2.84   |
| S&P500     | 4,136.13  | (0.03) | 19.74 | 7.73   |
| Nikkei 225 | 27,610.97 | 0.03   | 22.77 | 5.81   |
| Shanghai   | 3,294.38  | 0.03   | 14.31 | 6.64   |
| DAX        | 15,380.56 | (0.11) | 12.56 | 10.46  |
| Vàng       | 1,858.54  | 0.23   |       | 1.89   |
| Dầu WTI    | 78.87     | (0.24) |       | (1.73) |

**LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI**

| Sự kiện                          | Ngày | Kỳ trước | Thực tế |
|----------------------------------|------|----------|---------|
| Anh - PMI xây dựng (T1)          | 6/2  | 48.8     | 48.4    |
| Úc - Quyết định lãi suất (T2)    | 7/2  | 3.10%    | 3.35%   |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô              | 8/2  | 4,140M   | 2,423M  |
| Mỹ - Trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 9/2  | 183K     | 196K    |
| Anh - Sản lượng sản xuất         | 10/2 | -0.6%    | 0.0%    |

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**

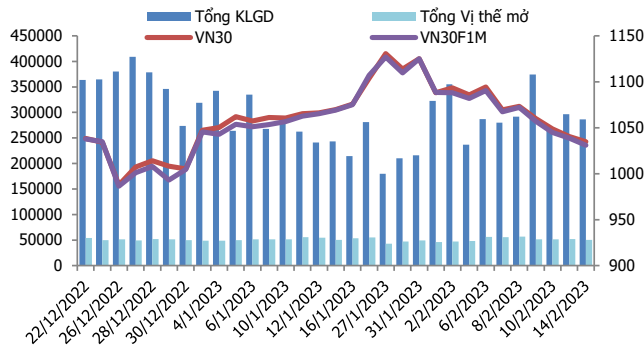
- Thị trường phái sinh hôm nay tiếp tục gặp áp lực bán khá lớn từ nhóm cổ phiếu trụ trong phiên chiều. Đóng cửa, cả 4 HĐTL giảm từ 7,3 đến 8,8 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 5,47 điểm. Basis hợp đồng tương lai kỳ hạn 1 tháng phiên này giảm xuống mức âm 4,03 điểm, cho thấy nhà đầu tư có vẻ đang rơi vào trạng thái tâm lý bi quan trước các nhịp giảm điểm liên tiếp của thị trường.
- Sau 2 tuần giảm liên tiếp cũng như chuỗi giảm 4 phiên vừa qua, khả năng thanh khoản thị trường cơ sở còn tiếp tục thấp trong các phiên sắp tới. Nhà đầu tư nên căn cứ vào các ngưỡng hỗ trợ của cổ phiếu để xử lý vị thế khi thị trường không giữ được mức thấp nhất trong 2 phiên vừa qua ở vùng 1.030 - 1.032 điểm.
- Thị trường phái sinh tiếp tục kéo dài mạch giảm điểm với phiên giảm điểm thứ 5 trong 6 phiên vừa qua. Nhịp điều chỉnh của thị trường vẫn đang hiện hữu, cùng với việc basis hiện vẫn đang ở mức âm, do vậy nhà đầu tư cần tiếp tục thận trọng quan sát.

**NHẬN ĐỊNH TTCK THẾ GIỚI**

- Kết phiên, chỉ số Dow Jones lùi 156,66 điểm (-0,46%) xuống 34.089,27 điểm. Chỉ số S&P 500 hạ 0,03% xuống 4.136,13 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite phục hồi từ mức giảm đầu phiên để khép phiên tiến 0,57% lên 11.960,15 điểm, được thúc đẩy bởi các cổ phiếu công nghệ bao gồm cổ phiếu Tesla và Nvidia lần lượt tăng 7,51% và 5,43%.

**CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ**

|  |  |
|--|--|
| <b>Chiến lược giao dịch trong ngày</b> | Nhà đầu tư có thể xem xét rải lệnh Mua quanh khu vực 1022-1025 điểm trong các pha điều chỉnh. Điểm quản trị rủi ro là mốc hỗ trợ 1012 điểm, hướng đến mức giá mục tiêu 1047-1053 điểm. Chiến lược Short sẽ được kích hoạt nếu chỉ số gặp khó ở vùng kháng cự gần 1035-1040 điểm. |
| <b>Chiến lược giao dịch ngắn hạn</b>   | Hoạt động nắm giữ vị thế qua đêm tạm thời chưa được khuyến khích.  |



### NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Áp lực bán khá mạnh từ nhóm cổ phiếu trụ trong phiên chiều tiếp tục khiến cả 4 HĐTL đóng cửa giảm từ 7,3 đến 8,8 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên này giảm 3,45% so với phiên liền trước, đạt 286.419 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 2 với 276.784 hợp đồng. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 2 với 2.908 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 9.728 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2302 là 1035 điểm (cao hơn 4,1 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2303 là 1036,03 điểm (+10,83 điểm), VN30F2306 là 1039,37 điểm (+18,07 điểm) và VN30F2309 là 1042,98 điểm (+24,98 điểm).

### DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng    | Giá    | % Chg  | KLGD    | % Chg  | OI     | % Chg |
|-------------|--------|--------|---------|--------|--------|-------|
| VN30F2302   | 1030.9 | 36.00  | 276,784 | -4.4   | 35,522 |       |
| VN30F2303   | 1025.2 | 162.00 | 9,526   | 35.79  | 13,830 |       |
| VN30F2306   | 1021.3 | 60.00  | 70      | 14.8   | 966    |       |
| VN30F2309   | 1018.0 | 76.00  | 39      | -46.58 | 264    |       |
| <b>Tổng</b> |        |        | 286,419 | -3.4   | 50,582 |       |

### XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

| Khung thời gian | 15m       | 1h        | Daily     |
|-----------------|-----------|-----------|-----------|
| Tổng kết        | BUY       | SELL      | SELL      |
| Hỗ trợ          | 1022-1025 | 1012-1016 | 991-1000  |
| Kháng cự        | 1035-1040 | 1047-1053 | 1060-1080 |

### DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M

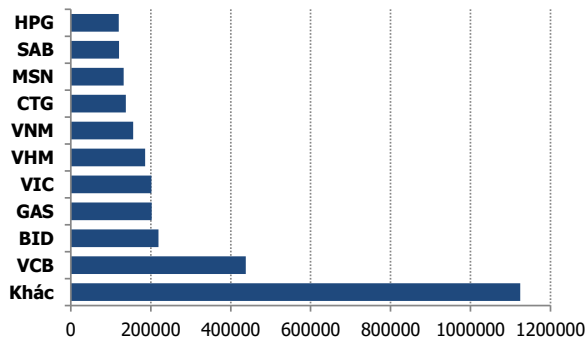


|                       | VNIndex  | VN30     |
|-----------------------|----------|----------|
| Đóng cửa              | 1038.64  | 1034.93  |
| Thay đổi              | -5.06    | -5.47    |
| %Chg                  | -0.48    | -0.53    |
| YTD                   | 3.13     | 2.96     |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 4,145.21 | 3,038.02 |
| P/E                   | 13.51    | 10.88    |
| P/B                   | 1.66     | 1.60     |

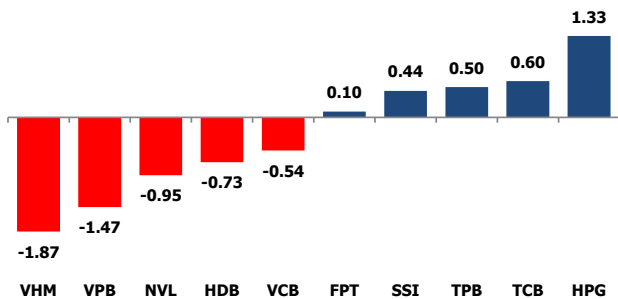
### NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân khiến các chỉ số chính tiếp tục chìm trong sắc đỏ. Số mã giảm điểm (17) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (12) và 1 mã đứng tham chiếu, với VHM và VPB là hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -1,87 điểm và -1,47 điểm.
- Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 5,47 điểm (-0,53%) xuống 1.034,93 điểm. Khối lượng giao dịch đạt 145,8 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 3.373 tỷ đồng.
- Khối ngoại quay lại mua ròng với 78,38 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như HPG (+96 tỷ đồng), KBC (+22 tỷ đồng), VND (+19 tỷ đồng), HSG (+15 tỷ đồng), MSN (+12 tỷ đồng).

### TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



### CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



### NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

- Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VHM, VPB và NVL là những nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 tiếp tục nằm trong đà giảm điểm. Trong đó, VHM gây ảnh hưởng -1,87 điểm tới chỉ số VN30.

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VHM

Phân tích kỹ thuật VHM



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành   | Giá     | % Chg | H-L   | GTGD    | Điểm tác động | PE     | PB   |
|----------|---|---------|-------|-------|---------|---------------|--------|------|
| VPB      | Banks   | 16,700  | -1.76 | 2.99% | 285.194 | -1.47         | 6.10   | 1.19 |
| FPT      | Electronic Equipment, Instruments & Components        | 80,800  | 0.12  | 1.00% | 50.026  | 0.10          | 16.82  | 4.46 |
| ACB      | Banks   | 23,850  | -0.21 | 1.26% | 34.418  | -0.15         | 6.08   | 1.45 |
| HPG      | Metals & Mining                                       | 20,600  | 1.98  | 3.21% | 355.1   | 1.33          | 7.74   | 1.22 |
| VNM      | Food Products   | 74,700  | -0.80 | 1.75% | 80.482  | -0.52         | 19.77  | 5.01 |
| TCB      | Banks   | 26,850  | 0.94  | 3.40% | 79.223  | 0.60          | 4.44   | 0.87 |
| MSN      | Food Products   | 92,900  | 0.00  | 1.97% | 36.326  | 0.00          | 13.78  | 5.16 |
| VIC      | Real Estate Management & Development                  | 52,900  | -0.94 | 4.53% | 162.456 | -0.50         | 182.51 | 1.78 |
| VCB      | Banks   | 92,500  | -1.07 | 2.52% | 105.158 | -0.54         | 16.57  | 3.41 |
| MWG      | Specialty Retail                                      | 42,500  | 0.00  | 1.42% | 34.268  | 0.00          | 12.13  | 2.67 |
| VHM      | Real Estate Management & Development                  | 42,750  | -3.72 | 4.74% | 166.078 | -1.87         | 5.92   | 1.37 |
| STB      | Banks   | 24,400  | -0.41 | 3.33% | 226.5   | -0.20         | 11.09  | 1.25 |
| MBB      | Banks   | 17,850  | -0.83 | 1.97% | 118.572 | -0.39         | 4.61   | 1.12 |
| HDB      | Banks   | 17,650  | -2.22 | 3.12% | 26.709  | -0.73         | 5.88   | 1.26 |
| VJC      | Airlines  | 102,800 | -0.29 | 2.08% | 19.093  | -0.08         | 900.39 | 3.18 |
| VRE      | Real Estate Management & Development                  | 28,000  | -1.75 | 4.01% | 40.067  | -0.47         | 30.80  | 1.95 |
| TPB      | Banks   | 23,500  | 2.17  | 1.29% | 63.129  | 0.50          | 6.14   | 1.21 |
| VIB      | #N/A  | 20,500  | 1.49  | 2.46% | 26.08   | #N/A          | 5.15   | 1.42 |
| CTG      | Banks   | 28,700  | -1.54 | 2.44% | 50.992  | -0.34         | 8.86   | 1.31 |
| SSI      | Capital Markets                                       | 18,900  | 2.16  | 2.16% | 115.813 | 0.44          | 8.39   | 1.28 |
| SAB      | Food Products   | 188,000 | -2.03 | 3.10% | 9.744   | -0.29         | 22.31  | 4.95 |
| NVL      | Real Estate Management & Development                  | 11,950  | -6.64 | 2.93% | 124.459 | -0.95         | 8.16   | 0.63 |
| GAS      | Gas Utilities   | 105,600 | -0.28 | 1.33% | 11.459  | -0.03         | 15.15  | 3.57 |
| BID      | Banks   | 43,400  | -2.25 | 2.77% | 58.119  | -0.21         | 13.56  | 2.28 |
| POW      | Independent Power and Renewable Electricity Producers | 11,850  | 1.28  | 1.70% | 42.075  | 0.09          | 23.76  | 0.94 |
| PLX      | Oil, Gas & Consumable Fuels                           | 38,000  | 0.26  | 2.96% | 7.961   | 0.01          | 51.52  | 2.07 |
| BVH      | Beverages   | 49,100  | 1.24  | 1.23% | 8.897   | 0.05          | 20.81  | 1.64 |
| BCM      | #N/A  | 84,500  | 0.84  | 2.42% | 6.737   | #N/A          | 51.08  | 5.00 |
| PDR      | Capital Markets                                       | 10,600  | -5.78 | 7.62% | 140.825 | -0.20         | 3.27   | 0.84 |
| GVR      | Real Estate Management & Development                  | 14,150  | 1.07  | 2.51% | 16.282  | 0.03          | 13.32  | 1.12 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30                |   |
|-----|---|---|
| 1   | Mã hợp đồng                               | VN30F-yy-mm   |
| 2   | Tài sản cơ sở                             | Chỉ số cổ phiếu VN30  |
| 3   | Hệ số nhân hợp đồng                       | 100.000 đồng  |
| 4   | Quy mô 01 hợp đồng                        | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30   |
| 5   | Tháng đáo hạn                             | - Tháng hiện tại<br>- Tháng tiếp theo<br>- Hai tháng cuối 2 quý gần nhất  |
| 6   | Phương thức giao dịch                     | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận   |
| 7   | GD Khớp lệnh định kỳ                      | - ATO: 08h45 - 09h00      - ATC: 14h30 - 14h45  |
|     | Thời gian giao dịch GD khớp lệnh liên tục | - Sáng: 09h00 - 11h30      - Chiều: 13h00 - 14h30   |
|     | GD Thỏa thuận                             | - 08h45 - 14h45   |
| 8   | Các loại lệnh giao dịch                   | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.  |
| 9   | Nguyên tắc khớp lệnh                      | Ưu tiên giá và thời gian.   |
| 10  | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh       | 01 hợp đồng   |
| 11  | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh          | 500 hợp đồng  |
| 12  | Đơn vị yết giá/ Bước giá                  | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng   |
| 13  | Biên độ dao động                          | +/- 7%  |
| 14  | Ngày giao dịch cuối cùng                  | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn.<br>Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.   |
| 15  | Ngày thanh toán cuối cùng                 | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.  |
| 16  | Phương thức thanh toán                    | Thanh toán bằng tiền  |
| 17  | Giá thanh toán hàng ngày                  | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.   |
| 18  | Giá thanh toán cuối cùng                  | Giá đóng của của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.   |
| 19  | Giá tham chiếu                            | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.  |
| 20  | Mở tài khoản                              | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.                                    |
| 21  | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK  | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng;<br>NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng;      NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng   |
| 22  | Mức ký quỹ ban đầu                        | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23  | Mức ký quỹ duy trì                        | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.  |
| 24  | Ký quỹ bổ sung                            | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.  |
| 25  | Thoát khỏi hợp đồng tham gia              | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.   |

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.